

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 15 – 6 – 2021

*Về việc: Tranh chấp chia tài
sản và phân chia di sản thừa
kế.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Liên;

Ông Nguyễn Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 20/07/2020 về: “*Tranh chấp chia tài sản và phân chia di sản thừa kế*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 29/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1), sinh năm 1927.

Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, (Theo Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2020) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) là bà Nguyễn Thị H1 – Luật sư của Trung T3 Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Bị đơn: ông Hoàng Văn K1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị N2, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt..
2. Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.
3. Anh Hoàng Văn N3, sinh ngày 26/8/2002
Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.
4. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
5. Ông Hoàng Văn C2, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
6. Bà Hoàng Thị C3, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
7. Bà Hoàng Thị M1, sinh năm 1954.
Địa chỉ: Thôn 1, xã T2 (nay là thôn T2, xã Đ1), huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
8. Bà Hoàng Thị C3, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Thôn 3 xã Q2 (nay là Thôn Q3, xã Q4) huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
9. Bà Hoàng Thị N4, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Thôn 3 xã Q2 (nay là Thôn Q3, xã Q4) huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
Chỗ ở: ấp B1, xã P1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
10. Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1947.
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
11. Ông Hoàng Văn V1, **sinh năm 1974.**
12. Ông Hoàng Văn T3, **sinh năm 1978.**
13. Ông Hoàng Văn C4, **sinh năm 1980.**
14. Bà Hoàng Thị T4, **sinh năm 1976.**
Đều có cùng địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.
15. Bà Hoàng Thị P2, **sinh năm 1982.**
Địa chỉ: Thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: các ông, bà: Hoàng Văn T1, Hoàng Văn C2, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị M1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị N4, Hoàng Thị D1, Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Bà Hoàng Thị P2 là bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, có mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 8 năm 2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của cụ Phùng Thị N1 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị L1 thì nội dung vụ án như sau:

Cụ Phùng Thị N1 và cụ Hoàng Văn C5 (sinh năm 1925, chết năm 1994) là vợ chồng. Quá trình chung sống, cụ N1 và cụ Chu sinh được 10 người con, cụ thể:

- ông Hoàng Tiến Lưu, sinh năm 1948. Chết ngày 17/10/1974 (là liệt sỹ). Khi ông Hoàng Tiến Lưu chết chưa có vợ, con.

- Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1947.

- Bà Hoàng Thị M1, sinh năm 1954.

- Bà Hoàng Thị C3, sinh năm 1958.

- Bà Hoàng Thị C3, sinh năm 1959.

- Bà Hoàng Văn T1, sinh năm 1960.

- Bà Hoàng Văn C2, sinh năm 1962.

- Bà Hoàng Thị N4, sinh năm 1959.

- Ông Hoàng Văn K1, sinh năm 1974.

- Ông Hoàng Văn Hà, sinh năm 1947. (Chết năm 1992).

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn Hà gồm:

+ Ông Hoàng Văn V1, sinh năm 1974.

+ Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1978.

+ Ông Hoàng Văn C4, sinh năm 1980.

+ Bà Hoàng Thị T4, sinh năm 1976.

+ Bà Hoàng Thị P2, sinh năm 1982.

Năm 1955, cụ N1 và cụ Hoàng Văn C5 có khai hoang, tạo lập được 01 thửa đất có diện tích 687m² thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 98 và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 56m² tại địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi trưởng thành, các con cụ đều đã lập ra đình riêng. Riêng ông Hoàng Tiến Lưu đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1954. Khi chết, ông Lưu chưa có vợ, có con. Năm 1994, cụ Hoàng Văn C5 chết không để lại di C3.

Sau khi cụ Hoàng Văn C5 chết thì chỉ có cụ N1 và vợ chồng ông Hoàng Văn K1 và Vũ Thị N2 sinh sống tại thửa đất trên. Đến tháng 5/2005, ông Hoàng Văn K1 và Vũ Thị N2 đã giả chữ ký của cụ N1 trong Giấy ủy quyền đề ngày 06/5/2005 để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn K1 và Vũ Thị N2. Ngày 08/01/2008, Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 048040 cho ông Hoàng Văn K1 và bà Vũ Thị N2. Tuy nhiên, ngày 07/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà đã có Kết luận thanh tra, trong đó khẳng định: “Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 048040, sổ vào sổ cấp H00758, cấp ngày 08/01/2008 cho hộ ông Hoàng Văn K1 và bà Vũ Thị N2, thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà là không đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.” Ngày 14/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà ban hành Quyết định số 3294/QĐ-UBND “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp

cho hộ ông Hoàng Văn K1 và bà Vũ Thị N2, thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh”.

Đã nhiều năm nay, vợ chồng ông Hoàng Văn K1, bà Vũ Thị N2 đã có hành vi ngược đãi, xua đuổi cụ N1 ra khỏi nhà, đất mà cụ N1 và cH1 là cụ Hoàng Văn C5 đã tạo lập được.

Ngày 03/01/2020, gia đình cụ N1 đã tiến hành họp để phân chia di sản thừa kế, nhưng ông Hoàng Văn K1 vắng mặt không có lý do. Ngày 16/3/2020, đại diện UBND xã Q1 đã tiến hành lập Biên bản làm việc về việc tổ chức họp thực phân chia tài sản thừa kế của bà Phùng Thị N1 tại thôn C1, xã Q1.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cụ N1, cụ N1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xác định, phân chia phần tài sản của cụ N1 trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn C5 và phân chia phần di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn C5 để lại trong khối tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tài sản đề nghị Tòa án phân chia là Quyền sử dụng 270m² đất và ngôi nhà cấp 4 trên đất có diện tích 56m² tại địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 10/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp tại thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Kết quả, thửa đất mà cụ N1, cụ Chu khai hoang có diện tích 517m². Ngày 04/3/2021, cụ Phùng Thị N1 bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn H1 và Hoàng Văn N3 (là con trai ông K1, bà N2) và xác định, phân chia phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn C5, phân chia phần di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn C5 để lại trong khối tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tài sản đề nghị Tòa án phân chia là quyền sử dụng 517m² đất và ngôi nhà cấp 4 trên đất có diện tích 56m² tại địa chỉ: Thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần tiến hành lấy lời khai, hòa giải, công khai chứng cứ; Kết quả Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà: Hoàng Văn T1, Hoàng Văn C2, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị M1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị N4, Hoàng Thị D1, Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2 đều thống nhất: Tài sản chung của cụ Chu, cụ N1 là 517m² đất và 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 53,3m² đã hư hỏng, không còn giá trị. Cụ Hoàng Văn C5 chết năm 1994, khi chết không để lại di C3, đề nghị Tòa án chia tài sản chung của cụ N1 và cụ Chu, chia di sản của cụ Chu theo quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên đều tự nguyện tặng cho cụ Phùng Thị N1 phần di sản được nhận sau khi phân chia di sản của cụ Chu để lại.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

- Cụ Phùng Thị N1 có quan điểm: Đề nghị Tòa án xác định khối tài sản chung của cụ N1 và cụ Hoàng Văn C5 là 517m² đất tại thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh; Phân chia khối tài sản chung của cụ N1 và cụ Chu; Phân chia di sản thừa kế của cụ Chu theo quy định của pháp luật; Tặng cho ông Hoàng Văn K1 phần đất mà ông K1, bà N2 đã xây nhà ở và các công trình phụ là 137,15m² đất (Trong đó đất ở là: 26m²; đất trồng cây lâu năm 111,15m²), trong tổng số 491,15m² đất mà cụ được hưởng (gồm phần của cụ sau khi phân chia và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tặng cho cụ); Đề nghị Tòa án buộc Bị đơn ông Hoàng Văn K1, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà N2, anh H1, anh N3 phải trả lại cụ Phùng Thị N1 354m² đất đang chiếm giữ.

- Cụ N1 sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông K1, bà N2, anh H1, anh N3 toàn bộ giá trị các công trình và cây trồng gắn liền với 354m² đất mà gia đình ông K1 đang chiếm giữ, sử dụng.

- Cụ N1 xin chịu toàn bộ phần án phí, chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của các ông, bà: Hoàng Văn T1, Hoàng Văn C2, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị M1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị N4, Hoàng Thị D1, Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2. Không yêu cầu ông K1 phải hoàn trả phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Hoàng Văn T1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị M1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị N4, Hoàng Thị D1 là bà Nguyễn Thị L1 đề nghị Tòa án miễn án phí cho các ông, bà nêu trên vì những người này đều là người cao tuổi, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Bị đơn ông Hoàng Văn K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị N2, anh Hoàng Văn H1, Hoàng Văn N3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều chống đối, không hợp tác, vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hải Hà không thể tiến hành lấy lời khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Thị H1 trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cụ Vũ Thị N1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm:

Về tố tụng:

-Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (trừ bị đơn ông Hoàng Văn K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là

bà N2, anh H1, anh N3) trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

- Bị đơn là ông Hoàng Văn K1, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị N2, anh Hoàng Văn H1, Hoàng Văn N3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: phân chia tài sản và di sản thừa kế của cụ N1 cụ Chu là Quyền sử dụng 517m² đất tại thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Thấy rằng: Đây là vụ án tranh chấp về phân chia tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân và phân chia di sản thừa kế, thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất và bị đơn cư trú tại xã Q1, huyện Hải Hà, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Nhưng bị đơn là ông Hoàng Văn K1, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị N2, anh Hoàng Văn H1, Hoàng Văn N3 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét quan điểm của cụ Phùng Thị N1 tại Đơn xin xét xử vắng mặt về việc tự nguyện tặng cho ông Hoàng Văn K1 137,15m² đất, thanh toán cho ông K1, bà N2, anh H1, anh N3 giá trị công trình và cây trồng trên phần đất 354m², xin chịu toàn bộ án phí, chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa. Thấy rằng việc thay đổi, bổ sung yêu cầu này của đương sự không vượt

quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, không làm thay đổi quan hệ pháp luật cần giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nguồn gốc tài sản và hiện trạng di sản thừa kế:

- *Về nguồn gốc đất:* Năm 1955, cụ Phùng Thị N1 và cụ Hoàng Văn C5 có khai hoang được 01 thửa đất có diện tích 687m² thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 98, có địa chỉ tại thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, để canh tác và xây dựng được 01 căn nhà cấp 4 để ở. Đến năm 2002 do nhà xuống cấp, cụ N1 được Nhà nước hỗ trợ tiền sửa chữa nhà theo chế độ chính sách (cụ N1 có con trai là liệt sỹ). Hiện nay căn nhà cấp 4 này đã mục, nát, hư hỏng toàn bộ, không còn giá trị.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định: thửa đất mà cụ Phùng Thị N1 và cụ Hoàng Văn C5 khai hoang từ năm 1955 có tổng diện tích là 517m². Về sự chênh lệch diện tích, ranh giới, mốc giới thửa đất giữa hiện trạng sử dụng đất và bản đồ địa chính, qua xác minh qua lời khai của các đương sự và tại Ủy ban nhân dân xã Q1 được biết: Thửa đất mà cụ N1 và cụ Chu khai hoang từ năm 1955 đến nay không có sự thay đổi về ranh giới, mốc giới thửa đất. Cụ N1, cụ Chu, ông K1, bà N2 cũng không khai hoang thêm hay nhận chuyển nhượng thêm diện tích đất của các hộ liền kề, không xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các hộ liền kề. Hiện thửa đất trên đã được ông K1, bà N2 xây dựng tường bao kiên cố. Diện tích đất mà cụ Hoàng Văn C5 và cụ Phùng Thị N1 khai hoang, sử dụng từ năm 1955 đến nay không có sự thay đổi về ranh giới, mốc giới thửa đất, nên sự chênh lệch về diện tích, ranh giới, mốc giới giữa bản đồ địa chính và hiện trạng là do thiết bị đo đạc trước đây còn thô sơ nên dẫn đến sai số, sai mốc giới trong quá trình đo đạc.

Mặt khác, các đương sự thống nhất chia tài sản và di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo kết quả thẩm định. Do đó cần căn cứ vào diện tích đất theo biên bản thẩm định để làm căn cứ giải quyết vụ án là 517m².

- *Về giá trị quyền sử dụng đất:* Xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà và Ủy ban nhân dân xã Q1 được biết: Thửa đất trên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Hạn mức cấp đất ở tại thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà là không quá 400m². Khung giá đất ở là 130.000đ/m²; đất trồng cây lâu năm là 35.000đ/m².

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2020, Công văn số 53/UBND-TNMT ngày 08/01/2021 của UBND huyện Hải Hà, Biên bản định giá tài sản ngày 08/4/2021 của Hội đồng định giá, xác định:

Giá trị quyền sử dụng đất ở là: 400m² x 130.000đ = 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

Giá trị quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm là 117m² x 35.000đ = 4.095.000đ (Bốn triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tổng giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là: 56.095.000đ. (Năm mươi sáu triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Về giá trị tài sản trên đất:

Ngày 01/10/2020, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản là thửa đất đang tranh chấp và tài sản trên đất tại thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, bị đơn là ông Hoàng Văn K1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị N2, anh Hoàng Văn H1, Hoàng Văn N3 đã không hợp tác, cản trở việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do đó, Hội đồng định giá không thể **trực tiếp** tiếp cận, thu thập thông tin liên quan đến tài sản tranh chấp nên không tiến hành định giá được tài sản, đồng thời đề nghị Tòa án tiến hành xác định giá trị tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật. **Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Để đảm bảo tính khách quan, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà đã đề nghị Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, đặc điểm, hiện trạng các công trình xây dựng, cây cối trên toàn bộ thửa đất tranh chấp, kết quả Hội đồng định giá xác định:**

- Phần giá trị công trình gắn liền với phần diện tích đất 354m² có nhà cấp 4 cũ hỏng, móng nhà, tường bao, sân, giếng, cây tùng, cây đu đủ trị giá: 26.675.278đ (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

- Phần giá trị công trình gắn với phần diện tích đất 163m² do ông K1, bà N2, anh H1, anh N3 xây dựng trị giá 179.400.000đ (Một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản cần phân chia trị giá: 56.095.000đ + 179.400.000đ + 26.675.278đ = 262.170.278đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu, một trăm bảy mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

[3] Xác định những người được thừa kế di sản:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, xác nhận của UBND xã Q1, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định cụ Phùng Thị N1 và cụ Hoàng Văn C5 (sinh năm 1925, chết năm 1994) là vợ chồng. Quá trình chung sống, cụ N1 và cụ Chu sinh được 10 người con. **Tính đến thời điểm cụ Hoàng Văn C5 chết thì phần di sản cụ Chu để lại sẽ được chia làm 10 phần cho 10 người được hưởng thừa kế theo pháp luật là các ông, bà có tên sau: cụ Phùng Thị N1, bà Hoàng Thị D1, bà Hoàng Thị M1, bà Hoàng Thị C3, bà Hoàng Thị C3, ông Hoàng Văn T1, ông Hoàng Văn C2, bà Hoàng Thị N4, ông Hoàng Văn K1, ông Hoàng Văn Hà, sinh năm 1947, (chết năm 1992). Những người thừa kế thế vị phần di sản của cụ Chu mà ông Hoàng Văn Hà được hưởng gồm: các ông, bà Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2;**

Ông Hoàng Tiến Lưu, sinh năm 1948, chết ngày 17/10/1974 (là liệt sỹ). Khi ông Hoàng Tiến Lưu chết chưa có vợ, con.

[4] Về phân chia tài sản và di sản thừa kế:

- Xác định phần tài sản của cụ Phùng Thị N1 trong khối tài sản chung và phần di sản của cụ Hoàng Văn C5:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì cụ Phùng Thị N1 có $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn C5. Cụ thể là $517m^2 : 2 = 258,5m^2$ đất (trong đó có $200m^2$ đất ở và $58,5m^2$ đất trồng cây lâu năm), trị giá: 28.047.500đ (Hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

- Phân chia phần di sản của cụ Hoàng Văn C5 để lại: Thấy rằng, khi chết cụ Chu không để lại di C3, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015, để phân chia phần di sản của cụ Hoàng Văn C5. Cụ thể, phần di sản của cụ Chu sẽ được chia cho 10 người là các ông, bà có tên sau: cụ Phùng Thị N1, bà Hoàng Thị D1; bà Hoàng Thị M1; bà Hoàng Thị C3; bà Hoàng Thị C3; ông Hoàng Văn T1; ông Hoàng Văn C2; bà Hoàng Thị N4; ông Hoàng Văn K1, ông Hoàng Văn Hà. (Do ông Hà chết trước cụ Chu nên những người thừa kế thế vị của ông Hoàng Văn Hà là các anh, chị Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2)

+ Phân chia phần di sản của cụ Chu cho vợ và các con: $258,5m^2 : 10 = 25,85m^2$ (Trong đó có $20m^2$ đất ở và $5,85m^2$ đất trồng cây lâu năm), trị giá 2.804.750đ (Hai triệu tám trăm linh tư nghìn, bảy trăm năm đồng).

Do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Hoàng Văn T1, Hoàng Văn C2, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị M1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị N4, Hoàng Thị D1, Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2 đều có quan điểm tặng cho cụ Phùng Thị N1 phần di sản được nhận khi phân chia di sản của cụ Chu để lại. Vì vậy tổng diện tích đất cụ Phùng Thị N1 được hưởng sau khi phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là: $491,15m^2$ (trong đó có $380m^2$ đất ở và $111,15m^2$ đất trồng cây lâu năm). Diện tích đất mà ông Hoàng Văn K1 được hưởng sau khi phân chia di sản thừa kế là $25,85m^2$ (Trong đó có $20m^2$ đất ở và $5,85m^2$ đất trồng cây lâu năm).

[5] Về quan điểm của cụ Phùng Thị N1 về việc tặng cho quyền sử dụng đất và thanh toán phần giá trị công trình trên đất cho ông Hoàng Văn K1.

- Xét quan điểm của cụ Phùng Thị N1 về việc tặng cho ông Hoàng Văn K1 phần diện tích đất mà ông K1, bà N2 đã xây nhà và các công trình phụ có diện tích là $137,15m^2$ đất (Trong đó đất ở là: $26m^2$; đất trồng cây lâu năm $111,15m^2$), Hội đồng xét xử thấy rằng việc cụ N1 tặng cho ông K1 quyền sử dụng đất là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, cần được chấp nhận;

Như vậy, tổng diện tích đất mà ông K1 được nhận là $25,85m^2 + 137,15m^2 = 163m^2$ (trong đó có $46m^2$ đất ở và $117m^2$ đất trồng cây lâu năm), theo sơ đồ thẩm định hiện trạng gồm các điểm A-1-2-3-4-B-A.

Tổng diện tích đất còn lại của cụ Phùng Thị N1 là $491,15m^2 - 137,15m^2 =$

354m² (toàn bộ là đất ở), theo sơ đồ thẩm định hiện trạng gồm các điểm A-B-5-6-7-8-9-10-11-A.

Căn cứ vào Quyết định số 1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và văn bản trả lời số 1389/UBND-TNMT ngày 31/5/2021 của UBND huyện Hải Hà, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi tặng cho và nhận tặng cho quyền sử dụng đất, phần đất mà cụ Phùng Thị N1 và ông Hoàng Văn K1 được hưởng đủ điều kiện tách thửa và công nhận quyền sử dụng đất.

- Cụ Phùng Thị N1 tự nguyện thanh toán cho ông K1, bà N2, anh H1, anh N3 phần giá trị các công trình và cây gắn liền với phần diện tích đất 354m². Hội đồng xét xử thấy rằng, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2020 và Biên bản định giá tài sản ngày 08/4/2021 của Hội đồng định giá thể hiện trên phần diện tích đất: 354m² có: 01 móng nhà trị giá 18.697.000đ, 01 đoạn tường bao phía Bắc cao 1,3m, dài 9,46m xây gạch đỏ đã cũ trị giá 2.995.278đ, 01 đoạn tường bao phía Tây cao 1,5m, dài 3,8m xây gạch đỏ đã cũ trị giá 1.203.000đ, 01 đoạn tường bao phía Nam dài 11,37m, cao 1,3m, xây gạch đỏ đã cũ, hổng trị giá 3.600.000đ; 01 cây đu đủ trị giá 100.000đ, 01 cây tùng trị giá 80.000đ. Tổng giá trị các công trình xây dựng và cây là 26.675.278đ. Thấy rằng cụ Phùng Thị N1 thanh toán cho ông K1, bà N2, anh H1, anh N3 phần giá trị các công trình xây dựng và cây trị giá 26.675.278đ là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần được Tòa án ghi nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng chi phí đo đạc là 6.000.000đ, chi phí bồi dưỡng cho cán bộ tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào các ngày 01/10/2020 và ngày 10/11/2020 là 4.000.000đ. Tổng chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000đ. Ngày 24/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của cụ N1 là bà Nguyễn Thị L1 đã nộp 10.000.000đ tiền tạm ứng chi phí tố tụng, (cụ N1 đã nộp đủ). Theo quy định tại các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia và có trách nhiệm thanh toán lại cho cụ N1 số tiền đó, nhưng cụ Phùng Thị N1 xin chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản nên cần được Tòa án ghi nhận.

[7] Về án phí:

Đây là vụ án tranh chấp phân chia tài sản và di sản thừa kế nên các đồng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: cụ Phùng Thị N1, sinh năm 1927; ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1960; bà Hoàng Thị C3, sinh năm 1958; bà Hoàng Thị M1, sinh năm 1954; bà Hoàng Thị C3 sinh năm 1959; bà Hoàng Thị N4, sinh năm 1959; bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1947, tính đến thời điểm xét xử đều là người cao tuổi (đã trên 60 tuổi) và đã có Đơn xin miễn án phí. Do đó được miễn nộp tiền án phí.

Ông Hoàng Văn C2 phải nộp 300.000đ tiền án phí, các anh, chị Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2 phải nộp phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí (**Là tiền án phí tính trên phần di sản thừa kế mà ông Hoàng Văn Hà được hưởng**). Nhưng cụ Phùng Thị N1 tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí của các ông Hoàng Văn C2, các anh, chị Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ N1 phải nộp tổng số tiền án phí là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Ông Hoàng Văn K1 phải chịu án phí tương ứng với phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Chu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 2, 5 Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 612, Điều 613, Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652, khoản 2 Điều 660, 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Quyết định số 1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) về việc xác định, phân chia phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn C5 và phân chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn C5 theo quy định của pháp luật.

1.1 Xác định khối tài sản chung của cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) và cụ Hoàng Văn C5 là thửa đất có diện tích 517m² thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 98 tại địa chỉ thôn C1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

1.2 Sau khi phân chia tài sản chung và di sản thừa kế, cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) có quyền sử dụng phần đất có diện tích 354m² (toàn bộ là đất ở), theo sơ đồ thẩm định hiện trạng gồm các điểm A-B-5-6-7-8-9-10-11-A và tài sản gắn liền với đất là, 01 móng nhà diện tích 62,5m², 01 cây đu đủ, 01 cây tùng, 01 đoạn tường bao phía Bắc cao 1,3m, dài 9,46m xây gạch đỏ đã cũ, 01 đoạn tường bao phía Tây cao 1,5m, dài 3,8m xây gạch đỏ đã cũ, 01 đoạn tường bao phía Nam dài 11,37m, cao 1,3m, xây gạch đỏ đã cũ, hồng; 01 nhà cấp 4 diện tích 53,3m² đã cũ hồng, 01 Giếng nước cũ, 01 sân bê tông cũ hồng diện tích 65,3m².

1.3 Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) tặng cho ông Hoàng Văn K1 phần đất có diện tích 137,15m² đất (Trong đó đất ở là: 26m²; đất trồng cây lâu năm 111,15m²).

1.4 Diện tích đất mà ông Hoàng Văn K1 được hưởng sau khi phân chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn C5 là 25,85m² (Trong đó có 20m² đất ở và 5,85m² đất trồng cây lâu năm). Tổng diện tích đất mà ông Hoàng Văn K1 có quyền sử dụng (gồm cả 137,15m² cụ N1 tặng cho) là 163m² (trong đó có 46m² đất ở và 117m² đất trồng cây lâu năm), theo sơ đồ thẩm định hiện trạng gồm các điểm A-1-2-3-4-B-A và tài sản gắn liền với đất là: 01 sân bê tông diện tích 30m²; 01 mái tôn diện tích 23,4m²; 01 nhà cấp 2 (xây tường gạch, bê tông, cốt thép, mái bê tông, diện tích 58,4m²; 01 nhà 01 tầng diện tích 26,7m²; 01 nhà cấp 4 diện tích 15m²; 01 mái tôn diện tích 11,4m²; 01 đoạn tường bao phía Đông (giáp ngõ) cao 1,3m xây gạch đỏ đã cũ, có hàng rào sắt phía trên cao 30cm, dài 7,5m.

Cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1), ông Hoàng Văn K1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Chia theo Sơ đồ thẩm định hiện trạng lập ngày 10/11/2020, kèm theo bản án).

2. Cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) phải thanh toán cho ông Hoàng Văn K1, **bà Vũ Thị N2, các anh Hoàng Văn H1, Hoàng Văn N3** số tiền 26.675.278 (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng), là phần giá trị các công trình và cây gắn liền với phần diện tích đất 354m².

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ N1 đã nộp đủ.

4. Về án phí.

- Cụ Vũ Thị N1 (Tên gọi khác: Phùng Thị N1) và các ông bà: Hoàng Văn T1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị M1, Hoàng Thị C3, Hoàng Thị N4, Hoàng Thị D1 được miễn nộp tiền án phí.

- Ông Hoàng Văn C2 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí; Tổng số tiền án phí các anh, chị Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2 phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng cụ Phùng Thị N1 tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí của ông Hoàng Văn C2 và các anh chị Hoàng Văn V1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn C4, Hoàng Thị T4, Hoàng Thị P2 nên cụ Phùng Thị N1 phải nộp tổng số tiền án phí là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

- Ông Hoàng Văn K1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc Bản án được niêm yết theo qui định.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TANDQN;
- Các đương sự;
- Cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Liên

Nguyễn Hồ

Đỗ Thị Hương Lan